

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 326 /2021/DS-PT

Ngày 31 - 12 - 2021

V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Bà Nguyễn Ái Doan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLPT-DS ngày 20/01/2021 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 360/2020/DS-ST ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2021/QĐ-PT ngày 05/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LHB, xã LĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Phan Ngọc P, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LHB, xã LĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phan Thị X, sinh năm 1967 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp LHB, xã LĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Huỳnh Thị Mười B, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LHB, xã LĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/ Chị Phan Thị Cẩm N, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LHB, xã LĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4/ Chị Phan Thị Huyền T1, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LHB, xã LĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5/ Chị Phan Thị Thúy A, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LHB, xã LĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6/ Chị Trần Dung H, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LHB, xã LĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Phan Ngọc P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:

Hộ gia đình ông có sử dụng diện tích đất 7.600m², loại đất T+Q, thuộc thửa số 522, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp LHB, xã LĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00703.QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/3/2001. Vào năm 2010, ông chuyển nhượng cho anh Phan Ngọc P diện tích đất 2.996,3m², anh P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi chuyển nhượng cho anh P có đo đạc thực tế. Vào tháng 10 năm 2010, anh P trồng tràm lần qua đất của ông về hướng Nam, ông có nhắc nhở nhưng anh P nói để khi nào tràm bám chắc bờ sẽ đôn bỏ tràm trả đất cho ông. Đến nay anh P tự ý nhổ bỏ hết cọc ranh phía Bắc, phía Tây và phía Nam, anh P tự ý cắm trụ ranh lần qua đất của ông chiều ngang khoảng 1,3m, dài khoảng 76m.

Nay ông yêu cầu anh Phan Ngọc P và vợ là chị Trần Dung H trả lại cho ông phần đất tranh chấp theo đo đạc có diện tích là 75,7m², loại đất T+Q, thuộc thửa số 522, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp LHB, xã LĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00703.QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/3/2001 do ông đại diện hộ gia đình đứng tên.

* Bị đơn anh Phan Ngọc P trình bày:

Vào ngày 10/5/2010 ông Phan Văn T và các thành viên trong hộ ông T đã thống nhất chuyển nhượng cho anh diện tích đất 2.996,3m², anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1177, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp LHB, xã LĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trước khi ông T chuyển nhượng cho anh thửa đất này có hai kênh công cộng nằm ở phía Bắc và phía Tây. Phía Đông giáp ranh với ông Phan Văn Bận, phía Nam giáp phần đất còn lại của ông T.

Do kênh công cộng phía Bắc bị sạt lở nên sau khi nhận chuyển nhượng anh đã tiến hành bồi đắp. Sau khi anh bồi đắp xong thì gần đây ông T tự ý kéo dây đo lại và nói anh lấn ranh của ông T. Phần phía Tây đất anh giáp với đất ông T là một đường mương rộng khoảng 2m, dài khoảng 20m, khi chuyển nhượng đo đạc cắm cọc giữa mương. Còn phía Đông thì sau khi chuyển nhượng cho anh, ông T giăng dây từ đông đến tây xăn một đường rãnh rộng khoảng 0,3m xuống con mương để làm ranh giới, vì thế anh không thể lấn đất của ông T được. Phần đất trên hiện anh và vợ là chị Trần Dung H canh tác, sử dụng trồng rau.

Nay anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Trên phần đất

tranh chấp có 11 cây chanh, 03 cây tràm do vợ chồng anh trồng; nếu Tòa án xác định phần đất tranh chấp thuộc về ông T thì anh yêu cầu ông T trả cho vợ chồng anh giá trị các cây trồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Mười B, bà Phan Thị X, chị Phan Thị Cẩm N, chị Phan Thị Huyền T1, chị Phan Thị Thúy A trình bày:

Thông nhất ý kiến và yêu cầu của ông Phan Văn T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Dung H trình bày:

Phần đất 2.996,3m² hiện tại do chị và chồng là anh P canh tác, là tài sản của vợ chồng chị, chị thống nhất ý kiến của anh P, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 360/2020/DS-ST ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 166, 170, 203 của Luật đất đai 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T.

1. Buộc anh Phan Ngọc Phăng và chị Trần Dung H trả cho hộ ông Phan Văn T gồm: ông Phan Văn T, bà Phan Thị X, bà Huỳnh Thị Mười B, chị Phan Thị Cẩm N, chị Phan Thị Huyền T1, chị Phan Thị Thúy A phần đất có diện tích là 67,1m², thuộc một phần thửa số 522, tờ bản đồ số 02, loại đất T+Q, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00703.QSĐĐ/LĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/3/2001 đứng tên hộ ông Phan Văn T, đất tọa lạc tại ấp LHB, xã LD, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có vị trí tứ cận như sau:

- + Hướng Bắc giáp thửa 1177;
- + Hướng Đông giáp thửa 524;
- + Hướng Nam giáp thửa 522;
- + Hướng Tây giáp kênh (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

- Ông Phan Văn T, bà Phan Thị X, bà Huỳnh Thị Mười B, chị Phan Thị Cẩm N, chị Phan Thị Huyền T1, chị Phan Thị Thúy A được quyền quản lý, sử dụng các tài sản trên diện tích đất 67,1m² gồm: 11 cây chanh loại C; 03 cây tràm có đường kính gốc từ 10cm đến dưới 20cm.

- Ông Phan Văn T, bà Phan Thị X, bà Huỳnh Thị Mười B, chị Phan Thị Cẩm N, chị Phan Thị Huyền T1, chị Phan Thị Thúy A trả lại cho ông Phan Ngọc P và bà Trần Dung H giá trị cây trồng trên diện tích đất 67,1m² là 346.000 đồng.

- Anh Phan Ngọc P và chị Trần Dung H trả lại cho ông Phan Văn T chi phí đo đạc là 9.365.179 đồng.

Thực hiện trả đất và tiền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Anh Phan Ngọc P và chị Trần Dung H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Phan Văn T 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009928 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày anh Phan Ngọc P và chị Trần Dung H có yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Văn T, bà Phan Thị X, bà Huỳnh Thị Mười B, chị Phan Thị Cẩm N, chị Phan Thị Huyền T1, chị Phan Thị Thúy A chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 07/12/2020, bị đơn anh Phan Ngọc P có đơn kháng cáo yêu cầu hủy hoặc sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, công nhận diện tích 67,1m² đất cây lâu năm thuộc quyền sử dụng đất của anh P.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Anh Phan Ngọc P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do đất nguyên đơn dư nhiều so với diện tích đất được cấp quyền sử dụng đất, trong khi đất anh dư do anh bồi lấp kênh ở phía Bắc và kênh ở phía Tây của thửa đất của anh.

- Ông Phan Văn T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh P.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Theo kết quả đo đạc, thẩm định: thửa 522 của hộ ông Phan Văn T đang sử dụng (chưa tính phần tranh chấp) có diện tích là 5.077,7m², dư 474m² so với diện tích được cấp là 4.603,7m², phần đất ông T có ranh giới sử dụng ổn định, không có tranh chấp, diện tích dư do khi cấp đất được thực hiện theo sơ đồ không ảnh, chưa đo đạc; Thửa đất số 1177 của anh Phan Ngọc P (chưa tính phần tranh chấp) là 3.041,4m², dư 45,1m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp 2.996,3m². Anh Phan Ngọc P cho rằng diện tích đất của anh bị dư là do sau khi nhận chuyển nhượng của ông T, anh đã tiến hành bồi đắp phần kênh công cộng ở phía Bắc. Lời trình bày này của anh P là không có cơ sở; bởi lẽ: Theo kết quả xác minh và theo lời trình bày của anh P và ông T thì phần kênh công cộng phía Bắc trước khi ông T chuyển nhượng cho anh P thì ông T có trồng một hàng trăm sạt mé kênh, sau đó ông T đã đốn hàng trăm để giao đất cho anh P; sau khi nhận chuyển nhượng đất, anh P cũng trồng hàng trăm sạt mé kênh để tránh sạt lở; hiện nay sạt mé kênh phía Bắc vẫn còn nhiều gốc trăm do anh P và ông T trồng và còn có 08 cây trăm còn sống do anh P trồng cách đây gần 10 năm; có hai bụi chuối có từ trước khi ông T chuyển nhượng cho anh P; có một gốc cây trâm đã mọc nằm sạt mé kênh, gốc trâm có từ trước khi ông T giao đất cho anh P. Nếu

anh P bồi đắp thì những gốc trầm, gốc trâm và bụi chuối đã nằm trong phần đất do anh P đã bồi đắp thêm ra, chứ không nằm sát mé kênh như hiện nay được. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã LD và những người dân tại địa phương, con kênh chạy từ hướng Tây đến phía Bắc đất của ông T (ở địa phương gọi là kênh 2 ve), kênh này do những người dân ở địa phương tự đào để dẫn nước về ruộng của mình, trên bản đồ địa chính chỉ thể hiện có con kênh chứ không có ghi kích thước con kênh; khi mới đào, con kênh có chiều rộng khoảng 01m, sau này các hộ dân mới nới rộng ra có kích thước từ 2m đến 3m như hiện nay. Như vậy, cho thấy rằng không có việc anh P bồi đắp con kênh như anh P đã trình bày. Anh P kháng cáo yêu cầu xem xét về chi phí tố tụng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở nên anh P phải hoàn lại chi phí tố tụng cho ông T. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị X vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bà X.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Phan Ngọc P; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thửa đất số 522, tờ bản đồ số 02, diện tích 7.600m², loại đất ONT+CLN, đất tọa lạc tại ấp LHB, xã LD, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00703.QSĐĐ ngày 24/6/1997 cho bà Phạm Thị Thọ đứng tên. Ngày 22/11/2005 thửa 522 đổi tên chủ sử dụng thành hộ ông Phan Văn T. Ngày 11/6/2010 thửa 522 giảm 2.996,3m², do chuyển nhượng cho anh Phan Ngọc P. Anh P được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00279 ngày 11/6/2010, số thửa là 1177, diện tích 2.996,3m².

Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/6/2020 (Bút lục 67, 68, 69, 104) thể hiện: Phần đất các bên tranh chấp có diện tích 67,1m². Thửa số 522 của hộ ông Phan Văn T đang sử dụng (chưa tính phần tranh chấp 67,1m²) có diện tích là 5.077,7m², dư 474m² so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00703.QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/3/2001 (diện tích được cấp quyền sử dụng đất là 7.600m² – 2.996,3m² = 4.603,7m²). Thửa số 1177 của anh Phan Ngọc P đang sử dụng (chưa tính phần tranh chấp 67,1m²) là 3.041,4m², dư 45,1m² so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích được cấp quyền sử dụng đất là 2.996,3m²).

Xét thấy: Các đương sự thống nhất không tranh chấp đối với ranh hướng Đông của thửa đất số 1177, hiện trạng có cắm trụ sạ giáp với đất của ông Phan Văn Bạ; thống nhất xác định trụ sạ do anh P cắm.

Phía Bắc của thửa số 1177 của anh Phan Ngọc P giáp con Kênh 2 Ve. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh P thể hiện: phía Bắc thửa 1177 của anh P giáp kênh, kênh rộng 4m. Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế hiện trạng đất thể hiện kênh rộng 3,29m, có đoạn 3,25m (giáp với đất của ông Phan Văn Bạ). Anh P xác định đất của anh dư do anh có bồi lấp kênh, anh bồi từ mé kênh vào trong thửa đất của anh là 1,5m, dài khoảng 60m. Ông T không thừa nhận có việc bồi đắp kênh, ông T xác định hiện nay gốc tràm ông trồng mé kênh vẫn còn. Tuy nhiên, tại Biên bản xác minh ngày 25/11/2020 (Bút lục 99), ông Phạm Văn Vững xác định ông có thấy anh P có bồi đắp trên mé kênh, không có dùng cừ hay cây để bồi rộng ra. Và tại Biên bản xác minh ngày 25/11/2020 (Bút lục 97), ông Phạm Văn Đet xác định anh P có lấp ngay góc của giáp đất của ông Lân, ông Như.

Đối chiếu hình thể thửa đất của anh P tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/6/2020 (Bút lục 104) với hình thể thửa đất tại hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cho anh P (Bút lục 36) nhận thấy: Phía Tây của thửa đất số 1177 của anh P bị mất góc, không giống so với hiện trạng khi nhận chuyển nhượng của ông T.

Hơn nữa, tại phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 117) ông T thừa nhận thửa 522 của ông có nguồn gốc do mẹ ông – bà Phạm Thị Thọ để lại cho ông, khi thực hiện thủ tục sang tên cho ông không có đo đạc cụ thể và đất ông dư do chụp không ảnh, không có đo đạc cụ thể. Ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đất ông dư nhiều 474m² qua đo đạc thực tế so với diện tích đất được cấp quyền sử dụng đất; trong khi đó mặc dù đất anh P có dư 45,1m² nhưng do vị trí tứ cận đất của anh P giáp kênh, anh P đã bồi đắp kênh, thể hiện tại sơ đồ đo đạc đất của anh P khi thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ ông T sang tên cho anh P thì kênh có chiều rộng 4m, nhưng hiện trạng có đoạn kênh rộng 3,29m, có đoạn 3,25m.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, anh P có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại. Ngày 19/3/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ; kết quả không có gì thay đổi so với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh P có đơn yêu cầu Tòa án thu thập hồ sơ vụ án về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất” giữa ông T với anh P đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết bằng Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 146/2016/QĐST-DS ngày 15/6/2016 có hiệu lực pháp luật.

Theo hồ sơ vụ án được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết bằng Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 146/2016/QĐST-DS ngày 15/6/2016 thể hiện: Tại đơn khởi kiện ngày 10/11/2015, ông Phan Văn T

yêu cầu buộc anh Phan Ngọc P trả diện tích đất lấn chiếm ngang 1,2m, dài 60m, qua đo đạc thực tế có diện tích 49,8m². Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2019 (Bút lục 12), ông T yêu cầu anh P trả diện tích đất lấn chiếm ngang 1,3m, dài 76m, qua đo đạc thực tế có diện tích 67,1m². Chứng tỏ ông T không xác định được chính xác ranh đất giữa ông với anh P và diện tích đất anh P lấn chiếm của ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh P xác định: sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông T có đào đường nước giáp với đất của anh ở phía Nam, đường nước bị lở, nên anh P có bồi đắp và trồng tràm trên đất để giữ đất không bị lở. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thừa nhận anh P có bồi đắp phía Nam đất của anh P ở đường nước ông đào và lấn qua đất của ông.

Ông T cho rằng: cọc ranh phía Nam, phía Bắc anh P đã tự ý nhổ và cắm lại lấn qua đất của ông; nhưng ông thừa nhận không có ý kiến và cũng không cắm lại theo đúng vị trí ông xác định (Bút lục 114). Sau khi ông chuyển nhượng đất cho anh P thì anh P đã tự ý trồng cây tràm giáp con mương của ông; ông đã nhắc nhở, yêu cầu anh P nhổ tràm thì anh P hứa sẽ đốn khi tràm lớn, nhưng anh P không thực hiện.

Hơn nữa đối chiếu kết quả đo đạc thực tế ngày 29/6/2020 với kết quả đo đạc khi cấp quyền sử dụng đất cho anh P nhận thấy: số đo các cạnh chênh lệch không nhiều từ 0,1m đến 0,04m.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông T không có cơ sở, yêu cầu kháng cáo của anh P là có căn cứ, cần sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Phan Ngọc P được chấp nhận nên anh Phăng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 166, 170, 203 của Luật đất đai 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phan Ngọc P.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 360/2020/DS-ST ngày 03/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009928 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Phan Ngọc P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho anh P số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003656 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2021-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung